

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001388

Môn học: **Quản trị bán hàng và chăm sóc khách hàng (226190) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **23/04/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **A402**

Số SV có mặt: **37**

Số bài thi: **32**

Số tờ giấy thi: **37**

Cán bộ coi thi 1

*[Signature]*  
**Ng. Việt Khương**

Cán bộ coi thi 2

*[Signature]*  
**Ng. Thủy Xuân**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV     | Ngày sinh | Mã lớp     | H.Phí    | Số tờ Mã đề | Chữ ký             | Đ.QT 40% | Đ.Thi 60% | Điểm HP | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên            |
|-----|------------|------------------|-----------|------------|----------|-------------|--------------------|----------|-----------|---------|---------------------------------------------|
| 1   | 2120270187 | PHẠM THỊ LAN     | ANH       | 27/12/2002 | CCQ2027F | 1           | <i>[Signature]</i> | 7.4      | 5.5       | 6.3     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 2   | 2120120210 | NGUYỄN THỊ MỸ    | ANH       | 18/10/2002 | CCQ2012G | 1           | <i>[Signature]</i> | 8.2      | 6.5       | 7.2     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 3   | 2120120211 | NGUYỄN NGỌC BĂNG | CHÂU      | 24/02/2002 | CCQ2012G | 1           | <i>[Signature]</i> | 8.0      | 7.0       | 7.4     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 4   | 2120120351 | NGUYỄN CHỊ       | CHUYÊN    | 23/10/2002 | CCQ2012K | 1           | <i>[Signature]</i> | 8.0      | 6.0       | 6.8     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 5   | 2120120248 | NGUYỄN VĂN       | DŨNG      | 03/04/2001 | CCQ2012H | 1           | <i>[Signature]</i> | 7.5      | 8.0       | 7.8     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 6   | 2120260004 | VÕ HOÀNG         | DUY       | 13/05/2000 | CCQ2026A | 1           | <i>[Signature]</i> | 7.4      | 8.5       | 4.5     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 7   | 2120120181 | NGUYỄN THỊ BÍCH  | DUYÊN     | 30/10/2002 | CCQ2012F | 1           | <i>[Signature]</i> | 6.8      | 4.0       | 5.1     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 8   | 2120120494 | LÊ ĐÌNH          | ĐẠT       | 11/07/2002 | CCQ2012O | 1           | <i>[Signature]</i> | 7.6      | 7.5       | 7.5     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 9   | 2120260111 | LÝ HỒNG          | ĐỨC       | 25/07/2000 | CCQ2026D | 1           | <i>[Signature]</i> | 6.6      | 5.0       | 5.6     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 10  | 2119260708 | DƯƠNG THỊ KIM    | GIANG     | 10/02/2000 | CCQ1926F | 1           | <i>[Signature]</i> | 7.6      | 4.5       | 5.7     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 11  | 2120120041 | VÕ THỊ THU       | HÀ        | 16/10/2002 | CCQ2012B | 1           | <i>[Signature]</i> | 7.8      | 8.0       | 7.9     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 12  | 2120260043 | NGUYỄN THỊ THU   | HÀNG      | 22/04/2002 | CCQ2026B | 1           | <i>[Signature]</i> | 9.4      | 7.0       | 8.0     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 13  | 2120260010 | NGUYỄN THỊ TRÚC  | HIỀN      | 15/09/2002 | CCQ2026A | 1           | <i>[Signature]</i> | 8.2      | 5.5       | 6.6     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 14  | 2120260148 | NGUYỄN VŨ        | HOÀNG     | 05/01/2002 | CCQ2026E | 1           | <i>[Signature]</i> | 7.2      | 7.5       | 7.4     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 15  | 2120120399 | VŨ XUÂN          | HOÀNG     | 24/11/2002 | CCQ2012L | 1           | <i>[Signature]</i> | 6.6      | 6.0       | 6.2     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 16  | 2120270178 | TRẦN MAI HỒNG    | HUẾ       | 10/07/2002 | CCQ2027F | 1           | <i>[Signature]</i> | 9.2      | 7.5       | 8.2     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 17  | 2120120626 | NGUYỄN MẠNH      | HÙNG      | 26/08/2002 | CCQ2012A | 1           | <i>[Signature]</i> | 8.0      | 4.5       | 5.9     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 18  | 2119120085 | LIÊN NGUYỄN GIA  | HUY       | 01/08/2001 | CCQ1912C | 1           | <i>[Signature]</i> | 6.9      | 5.5       | 6.1     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 19  | 2120260011 | LÊ THỊ NGỌC      | HUYỀN     | 18/11/2002 | CCQ2026A | 1           | <i>[Signature]</i> | 6.5      | 6.0       | 6.2     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 20  | 2120260046 | THÁI THÀNH       | HÙNG      | 31/03/2002 | CCQ2026B | 1           | <i>[Signature]</i> | 8.4      | 6.0       | 7.0     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |

\* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Quản trị bán hàng và chăm sóc khách hàng (226190) - Nhóm 01**  
Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2** Tổ: **001**  
Ngày thi: **23/04/2022** Giờ: **09:45**  
Phòng thi: **A402**

Mã nhận dạng: 001388

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Số SV có mặt: 37  
Số bài thi: 37  
Số tờ giấy thi: 37

*Ng. Việt Khoa*  
*Ng. Tilly Xua*

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV    | Ngày sinh  | Mã lớp   | H. Phi | Số tờ Mã đề | Chữ ký  | Đ. QT 40% | Đ. Thi 60% | Điểm HP | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên |
|-----|------------|-----------------|------------|----------|--------|-------------|---------|-----------|------------|---------|----------------------------------|
| 21  | 2120120187 | NGUYỄN THỊ THU  | 19/11/2002 | CCQ2012F |        | 1           | Kieu    | 7.8       | 6.0        | 6.7     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 22  | 2120120366 | TRẦN THỊ THU    | 18/02/2002 | CCQ2012K |        | 1           | Thulan  | 8.0       | 7.0        | 7.4     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 23  | 2120260048 | NGUYỄN THỊ ÁNH  | 16/09/2002 | CCQ2026B |        | 1           | anhlan  | 7.3       | 6.0        | 6.5     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 24  | 2120120253 | NGUYỄN THỊ NHƯ  | 18/07/2002 | CCQ2012H |        | 1           | nhu Lan | 8.0       | 8.0        | 8.0     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 25  | 2120120160 | HOÀNG THỊ HỒNG  | 23/12/2002 | CCQ2012E |        | 1           | hong    | 7.0       | 7.5        | 7.3     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 26  | 2120120256 | HỒNG THỊ MỸ     | 02/02/2002 | CCQ2012H |        | 1           | linh    | 7.2       | 3.0        | 7.1     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 27  | 2120120189 | LÊ THỊ MỸ       | 07/01/2002 | CCQ2012F |        | 1           | linh    | 7.5       | 6.0        | 6.6     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 28  | 2117120089 | PHẠM THỊ THÙY   | 16/03/1999 | CCQ1712B |        | 1           | thuy    | 6.7       | 7.0        | 6.9     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 29  | 2120270154 | TÔ THỊ MỸ       | 08/10/2002 | CCQ2027E |        | 1           | mylinh  | 7.2       | 5.5        | 6.2     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 30  | 2120120161 | TRƯƠNG KHÁNH    | 29/11/2002 | CCQ2012E |        | 1           | khánh   | 7.0       | 7.0        | 7.0     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 31  | 2120120163 | ĐẶNG TRÚC       | 20/10/2002 | CCQ2012E |        | 1           | truc    | 7.2       | 2.5        | 4.4     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 32  | 2120120191 | HOÀNG THỊ HƯƠNG | 16/03/2002 | CCQ2012F |        |             |         |           |            |         | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 33  | 2120120665 | LÊ VĂN          | 15/07/2002 | CCQ2012H |        | 1           | vanh    | 8.3       | 6.5        | 7.2     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 34  | 2120100292 | TỬ HIỆP         | 17/12/2000 | CCQ2027G |        | 1           | hiệp    | 8.5       | 7.0        | 7.6     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 35  | 2119260178 | TRINH THỊ TRÀ   | 07/07/2001 | CCQ1926E |        | 1           | tra     | 8.0       | 8.0        | 8.0     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 36  | 2120260015 | NGUYỄN THỊ NGỌC | 19/04/2002 | CCQ2026A |        | 1           | ngoc    | 8.8       | 8.0        | 8.3     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 37  | 2120260085 | TỔNG THỊ KIM    | 25/05/2002 | CCQ2026C |        | 1           | kim     | 8.2       | 6.5        | 7.2     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 38  | 2120260055 | NGUYỄN HẢI      | 18/10/2002 | CCQ2026B |        | 1           | hai     | 8.4       | 6.0        | 7.0     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |

\* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM  
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Quản trị bán hàng và chăm sóc khách hàng (226190) - Nhóm 01

Đợt thi: HK2, ĐỢT 2

Tổ: 002

Ngày thi: 23/04/2022

Giờ: 09:45

Phòng thi: A405

Mã nhận dạng: 001389

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Số SV có mặt: 36

Số bài thi: 36

Số tờ giấy thi: 36

Nguyễn Khắc  
Nguyễn Thị Thanh

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV    | Ngày sinh | Mã lớp     | H. Phi   | Số tờ<br>Mã đề | Chữ ký | D. QT<br>40% | D. Thi<br>60% | Điểm<br>HP | Tổ đệm vòng tròn cho điền nguyên |
|-----|------------|-----------------|-----------|------------|----------|----------------|--------|--------------|---------------|------------|----------------------------------|
| 1   | 2120270162 | NGUYỄN THỊ MINH | NGUYỆT    | 03/08/2002 | CCQ2027E | 1              | nguyet | 6.6          | 4.0           | 5.0        | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 2   | 2120120128 | ĐẶNG THỊ YẾN    | NHI       | 08/10/2002 | CCQ2012D | 1              | nguyen | 7.0          | 8.5           | 7.9        | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 3   | 2120260263 | NGUYỄN THỊ YẾN  | NHI       | 12/08/2002 | CCQ2026H | 1              | nguyen | 8.4          | 9.0           | 8.8        | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 4   | 2120270163 | TRẦN THỊ LINH   | NHI       | 07/10/2002 | CCQ2027E | 1              | linh   | 7.3          | 7.5           | 7.4        | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 5   | 2120260091 | LÊ THỊ          | NHƯ       | 02/02/2002 | CCQ2026C | 1              | nhu    | 8.8          | 4.0           | 5.9        | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 6   | 2120260281 | TRẦN THỊ CẨM    | NHUNG     | 01/06/2002 | CCQ2026B | 1              | cam    | 7.5          | 2.5           | 4.5        | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 7   | 2120120225 | CHÂU NGỌC QUỲNH | NHƯ       | 01/09/2002 | CCQ2012G | 1              | nhu    | 7.8          | 5.0           | 6.1        | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 8   | 2120120262 | LÂM KHẢ         | NHƯ       | 24/09/2002 | CCQ2012H | 1              | khah   | 7.5          | 5.5           | 6.3        | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 9   | 2120120263 | LÊ THỊ QUỲNH    | NHƯ       | 09/12/2002 | CCQ2012H | 1              | nhu    | 8.0          | 8.5           | 8.3        | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 10  | 2120260290 | NGUYỄN THỊ ÁNH  | NHƯ       | 04/10/2002 | CCQ2026F | 1              | anh    | 7.8          | 7.5           | 7.6        | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 11  | 2120120264 | HUỲNH TUYẾT     | OANH      | 29/11/2002 | CCQ2012H | 1              | oanh   | 8.2          | 8.5           | 8.4        | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 12  | 2120270198 | TRẦN VŨ MINH    | PHONG     | 01/08/2002 | CCQ2027F | 1              | phong  | 6.5          | 5.0           | 5.6        | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 13  | 2120120087 | PHAN THU        | PHƯƠNG    | 07/10/2001 | CCQ2012C | 1              | phuong | 8.6          | 7.0           | 7.6        | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 14  | 2120260022 | ĐÀO THỊ BÍCH    | PHƯƠNG    | 25/11/2002 | CCQ2026A | 1              | phuong | 8.0          | 6.5           | 7.1        | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 15  | 2120270167 | LÊ THỊ HỒNG     | PHƯƠNG    | 18/10/2002 | CCQ2027E | 1              | phuong | 7.0          | 7.5           | 7.3        | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 16  | 2120120666 | NGUYỄN VĂN      | QUÂN      | 25/02/2002 | CCQ2012H | 1              | quan   | 6.7          | 5.0           | 5.7        | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 17  | 2120260164 | PHAN THỊ NHƯ    | QUỲNH     | 02/10/2002 | CCQ2026E | 1              | nhu    | 7.2          | 5.5           | 6.2        | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 18  | 2120120168 | VÕ THỊ NHƯ      | QUỲNH     | 14/02/2002 | CCQ2012E | 1              | nhu    | 8.0          | 4.0           | 5.6        | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 19  | 2120120268 | TRẦN THỊ THU    | SƯƠNG     | 16/10/2002 | CCQ2012H | 1              | suong  | 7.7          | 8.0           | 7.9        | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |
| 20  | 2120270200 | ĐẶNG THỊ        | TẶNG      | 02/07/2001 | CCQ2027F | 1              | tang   | 8.3          | 6.0           | 6.9        | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9          |

\* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001389

Môn học: **Quản trị bán hàng và chăm sóc khách hàng (226190) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **23/04/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **A405**

Số SV có mặt: 36

Số bài thi: 36

Số tờ giấy thi: 36

|                      |                       |
|----------------------|-----------------------|
| Cán bộ coi thi 1     | Cán bộ coi thi 2      |
| <i>Tên</i>           | <i>Tên</i>            |
| <i>Ngô Đình Khôn</i> | <i>Ngô T. Mỹ Thảo</i> |

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV           | Ngày sinh  | Mã lớp   | H. Ph | Số tờ Mã đề | Chữ ký            | D. QT 40% | D. Thi 60% | Điểm HP | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên            |
|-----|------------|------------------------|------------|----------|-------|-------------|-------------------|-----------|------------|---------|---------------------------------------------|
| 21  | 2120270201 | HOÀNG THANH TÂM        | 02/05/2002 | CCQ2027F |       | 1           | <i>Zait</i>       | 8.6       | 7.0        | 7.6     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 22  | 2120120092 | LÊ THỊ KIM THANH       | 28/01/2002 | CCQ2012C |       | 1           | <i>Thị Kim</i>    | 7.0       | 7.0        | 7.0     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 23  | 2119270159 | NGUYỄN THỊ THANH THẢO  | 24/07/2001 | CCQ1927E |       | 1           | <i>Thị Thảo</i>   | 6.6       | 6.0        | 6.2     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 24  | 2120120095 | PHẠM THỊ THẢO          | 25/10/2002 | CCQ2012C |       | 1           | <i>Thị Thảo</i>   | 8.2       | 6.5        | 7.2     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 25  | 2120270169 | THÁI THỊ THANH THẢO    | 12/10/2002 | CCQ2027E |       | 1           | <i>Thị Thảo</i>   | 7.4       | 2.5        | 4.5     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 26  | 2120260064 | BÙI NGUYỄN TRUNG THẮNG | 08/04/2002 | CCQ2026B |       | 1           | <i>Thị Thắng</i>  | 8.0       | 6.0        | 6.8     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 27  | 2120120271 | NGUYỄN THỊ THIẾT       | 25/06/2002 | CCQ2012H |       | 1           | <i>Thị Thiết</i>  | 7.8       | 8.5        | 8.2     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 28  | 2120120660 | LÊ THỊ THANH THƯƠNG    | 21/08/2002 | CCQ2012G |       | 1           | <i>Thị Thương</i> | 7.9       | 8.0        | 8.0     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 29  | 2120260031 | VÕ THỊ KIỀU TIN        | 20/10/2002 | CCQ2026A |       | 1           | <i>Thị Kiều</i>   | 8.3       | 7.5        | 7.8     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 30  | 2120100360 | TRẦN THỊ THÙY TRANG    | 12/08/2002 | CCQ2012Q |       | 1           | <i>Thị Trang</i>  | 7.7       | 8.0        | 7.9     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 31  | 2121120601 | VÕ THỊ THANH TRÂN      | 10/06/2003 | CCQ2112R |       | 1           | <i>Thị Trân</i>   | 7.9       | 9.5        | 8.9     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 32  | 2120120576 | TRỊNH MINH TRIỀU       | 04/02/2002 | CCQ2012O |       | 1           | <i>Thị Triều</i>  | 8.2       | 7.0        | 7.5     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 33  | 2120170071 | TRẦN QUỐC TUÂN         | 29/12/2002 | CCQ2012Q |       | 1           | <i>Thị Tuân</i>   | 6.8       | 6.5        | 6.6     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 34  | 2120120276 | NÔNG THỊ TUYẾN         | 08/11/2002 | CCQ2012H |       | 1           | <i>Thị Tuyến</i>  | 9.0       | 8.0        | 8.4     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 35  | 2120120242 | NGÔ HOÀNG TÚ UYÊN      | 11/03/2002 | CCQ2012G |       | 4           | <i>Thị Uyên</i>   | 7.8       | 8.0        | 7.9     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 36  | 2120260035 | ĐỖ THỊ TƯỜNG VI        | 26/01/2002 | CCQ2026A |       | 1           | <i>Thị Tường</i>  | 9.0       | 8.0        | 8.4     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 37  | 2118270344 | VÕ QUANG VINH          | 17/08/1999 | CCQ1827A |       |             |                   |           |            |         | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |

\* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi